

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. P
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2019/HS-ST
Ngày: 08/10/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P

TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ninh Thị Kiều Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Minh Trâm- Hiệu trưởng Anh X THCS Tr.

Ông Trần Hoàng Liên- Phó Chủ tịch Hội cựu chiến binh thành phố P.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyên Vy – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố P.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Thanh Diệu - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 10 năm 2019 tại Hội anh X Tòa án nhân dân thành phố P xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 84/2019/TLST-HS ngày 04 tháng 9 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2019/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 9 năm 2019 đối với bị cáo:

NGUYỄN VĂN Q, sinh ngày 24/6/1989, tại Ninh Thuận. Nơi ĐKNKTT: khu phố X, phường Y, thành phố P; nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; Q tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị M; vợ: chị Võ Thị Th và 01 con; tiền án: không. Tiền sự: Ngày 12/9/2018, Công an thành phố P xử phạt bị cáo 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc trái phép, bị cáo nộp phạt ngày 13/9/2018. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 15 tháng 5 năm 2019, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh Ninh Thuận. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*** Người bị hại (đều có mặt):**

- Anh Đinh X, sinh năm: 1992, trú: phường K, BL, tỉnh Lâm Đồng.
Đăng ký tạm trú: khu phố J, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

- Chị Trần Thị Thu T, sinh năm: 1997, trú: xã X, huyện N, Ninh Thuận.

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Chị Trần Thị Thu Th, sinh năm: 1998, trú: xã H, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (có đơn xin xét xử vắng mặt).

* **Người làm chứng:**

- Anh Hà D, sinh năm: 1993, trú: khu phố G, B.L, Lâm Đồng, tạm trú: khu phố Y, TP. P, tỉnh Ninh Thuận.

- Anh Nguyễn Quang H, sinh năm: 1988, trú: khu phố K, phường Th, TP. P, Ninh Thuận.

(đều có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Bà Lê Thị Đ, sinh năm: 1970, trú: khu phố M, thị trấn Ph, huyện N, Ninh Thuận (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ ngày 01 tháng 4 năm 2019, NGUYỄN VĂN Q điều khiển xe mô tô hiệu Air Blade biển kiểm soát 85D1- 134.09 đi ngang qua quán nhậu Cá La Hán thuộc khu phố G, phường T, thành phố P. Q thấy người yêu cũ là chị Trần Thị Thu T đang ngồi trong quán với Chị Trần Thị Thu Th là em ruột T cùng một số người : anh Đình X, anh Hà D và anh Nguyễn Quang H. Do bức tức khi thấy chị T đang ngồi ăn với người khác, Q dừng xe lại trước quán rồi gọi chị T ra để nói chuyện, sau đó xảy ra cãi vã. Trong lúc cãi nhau, thấy anh X nhìn mình, Q đi ra mở cốp xe, lấy 01 con dao dài khoảng 50cm, lưỡi bằng kim loại, cán bằng nhựa màu trắng đi đến chỗ Anh X ngồi, chém một nhát vào mặt bàn khiến những người ngồi trong bàn nhậu hoảng sợ bỏ chạy, anh X lùi ghế lại và dùng chân đẩy bàn ra để tránh né thì bị té ngã ra sau. Q cầm dao chém vào anh X theo hướng từ trên xuống, trúng vào đầu gối chân trái và mu bàn chân phải của anh X, khiến anh X bị thương. Anh X đứng dậy bỏ chạy ra đến trước quán thì có một nam thanh niên tên Út Mười (chưa rõ nhân thân lai lịch) giơ tay định ôm Anh X nhưng X cúi xuống chạy luôn qua người này rồi tiếp tục bỏ chạy đến Công an phường T kêu cứu. Q không đuổi theo nữa mà quay lại quán Cá La Hán.

Tại quán, Q lấy một điện thoại di động hiệu iPhone XS Max 64 Gb, màu vàng đồng của chị T đặt lên bàn, rồi dùng dao chém một nhát trúng vào điện thoại làm bể màn hình, không sử dụng được. Tức giận, chị T lấy ghế nhựa đánh vào người Q thì bị Q dùng tay đánh lại. Sau đó, Q đi ra ngoài, nhặt một

viên gạch lát vỉa hè định ném vào người T thì chị Th can ngăn. Hai bên giằng co nên viên gạch trúng chân chị Th khiến chị Th bị thương ở đầu gối. Lúc này, người dân xung quanh đi đến can ngăn. Khoảng 5 phút sau, Q quay vào quán, chị T lấy ghế đánh Q và bị Q dùng tay đánh vào đầu khiến chị T ngất xỉu. Sau đó, Q bỏ về, chị T và chị Th được người dân đưa vào bệnh viện. Ngày 02 tháng 4 năm 2019, Q đến cơ quan công an trình diện và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Ngày 06/4/2019, anh Đinh X có đơn yêu cầu khởi tố vụ án và yêu cầu giám định thương tích. Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 47/TGT ngày 06/5/2019 của Trung tâm giám định y khoa- pháp y kết luận thương tích của anh Anh X: *tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 24%. Nhận định cơ chế hình thành vết thương: do vật sắc gây nên.*

Tại Bản Kết luận định giá tài sản số 40/KLTS ngày 20/4/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố P kết luận: *01 điện thoại di động hiệu iPhone XS Max 64 Gb, màu vàng đồng bị hư hỏng hoàn toàn có giá trị thực tại thời điểm bị hủy hoại là 25.592.000 đồng.*

Cáo trạng số 85/QĐ-VKSPR ngày 03/9/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P đã truy tố bị cáo NGUYỄN VĂN Q về tội “có ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 (điểm a, i khoản 1) điều 134 Bộ luật Hình sự và tội “hủy hoại tài sản” theo quy định tại khoản 1 điều 178 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố theo cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo từ 18 tháng đến 24 tháng về tội “có ý gây thương tích” căn cứ vào điểm đ khoản 2 (điểm a, i khoản 1) điều 134, điểm b, s khoản 1, khoản 2 điều 51, điều 54 Bộ luật Hình sự và từ 06 tháng đến 09 tháng tù về tội “hủy hoại tài sản” căn cứ vào khoản 1 điều 178, điểm b, s khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo cho rằng bị cáo chỉ phạm tội “có ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 (điểm a, i khoản 1) điều 134 Bộ luật Hình sự và không phạm tội “hủy hoại tài sản” theo quy định tại khoản 1 điều 178 Bộ luật Hình sự, vì chiếc điện thoại di động hiệu iPhone XS Max 64 Gb mà bị cáo làm hư hỏng có nguồn gốc từ việc bị cáo tặng cho chị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố P, Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục tố tụng theo quy định tại Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo NGUYỄN VĂN Q đã thừa nhận: khoảng 23 giờ 30 phút ngày 01/4/2019, tại quán Cá La Hán thuộc khu phố G phường T, thành phố P, dù không có mâu thuẫn với anh Đinh X, bị cáo Q đã sử dụng một con dao lưỡi bằng kim loại màu đen dài 45cm, cán bằng nhựa màu trắng dài 10cm chém anh Đinh X vào vùng chân gây thương tích 24%; sau đó bị cáo dùng con dao này tiếp tục chém điện thoại di động hiệu iPhone XS Max 64 Gb của chị T làm hư hỏng toàn bộ tài sản với trị giá 25.592.000 đồng. Tuy nhiên, bị cáo cho rằng chiếc điện thoại do bị cáo tặng cho chị T, nên khi bị cáo hủy hoại thì bị cáo không phạm tội. Căn cứ điều 457 và 458 Bộ luật Dân sự, *hợp đồng tặng cho tài sản là sự thoả thuận giữa các bên, theo đó bên tặng cho giao tài sản của mình và chuyển quyền sở hữu cho bên được tặng cho mà không yêu cầu đền bù, bên được tặng cho đồng ý nhận, hợp đồng tặng cho đối với động sản có hiệu lực kể từ thời điểm bên được tặng cho nhận tài sản, trừ anh X hợp có thoả thuận khác*. Chị T được bị cáo tặng cho 30.000.000 đồng và chị đã mua chiếc điện thoại di động hiệu iPhone XS Max 64 Gb màu vàng đồng kể từ ngày 25/01/2019, bị cáo không kèm theo điều kiện khi tặng cho. Như vậy kể từ thời điểm được tặng cho, chị T là chủ sở hữu chiếc điện thoại. Hành vi của bị cáo làm hư hỏng không còn sử dụng được chiếc điện thoại trị giá 25.592.000 đồng của chị T đã phạm vào tội “hủy hoại tài sản” theo quy định tại khoản 1 điều 178 Bộ luật Hình sự. Đối với tội “có ý gây thương tích”, mặc dù anh X có Đơn xin không yêu cầu khởi tố về mặt hình sự, nhưng theo quy định tại điều 155 Bộ luật Tố tụng Hình sự thì vụ án chỉ khởi tố theo yêu cầu của người bị hại với tội phạm quy định tại khoản 1 điều 134 Bộ luật Hình sự, trong khi bị cáo bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố P khởi tố về tội “có ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 điều 134 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa anh X và bị cáo đều không yêu cầu giám định lại thương tích. Vì vậy việc người bị hại đề nghị không khởi tố vụ án chỉ được xem là tình tiết giám nhẹ cho bị cáo. Do đó, cáo trạng số 85/QĐ-VKSPR ngày 03 tháng 9 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P đã truy tố bị cáo NGUYỄN VĂN Q về tội “có ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 (điểm a, i khoản 1) điều 134 Bộ luật Hình sự với 02 tình tiết định khung tăng nặng “dùng hung khí nguy hiểm” và “có tính chất côn đồ” và tội “hủy hoại tài sản” theo quy định tại khoản 1 điều 178 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp

luật. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến sức khỏe và tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Bị cáo có một tiền sự, do đó Hội đồng xét xử xét thấy cần phải xử phạt hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo và cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe, giáo dục.

[3] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử nhận thấy bị cáo đã tự trình diện trước cơ quan công an và thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, đã bồi thường toàn bộ thiệt hại bao gồm: chi phí điều trị thương tích, bồi dưỡng sức khỏe 40.000.000 đồng cho anh Đinh X và 01 chiếc điện thoại di động hiệu iPhone XS Max 64 Gb màu vàng đồng cho chị Trần Thị Thu T. Những người bị hại có Đơn yêu cầu xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Trong quá trình công tác tại lực lượng công an, bị cáo nhiều lần được tặng thưởng giấy khen do lập thành tích xuất sắc. Các tình tiết giảm nhẹ này quy định tại điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật Hình sự. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên Hội đồng xét xử áp dụng điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt cho cả hai tội danh.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường 40.000.000 đồng cho anh Đinh X và 01 chiếc điện thoại di động hiệu iPhone XS Max 64 Gb màu vàng đồng cho chị Trần Thị Thu T, những người bị hại không yêu cầu bồi thường thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Vật chứng của vụ án:

- 01 chiếc điện thoại di động hiệu iPhone XS Max 64 Gb màu vàng đồng bị hư hỏng hoàn toàn, không sử dụng được, cơ quan điều tra đã trả lại cho chị Trần Thị Thu T là có căn cứ.

- 01 con dao lưỡi bằng kim loại màu đen dài 45cm, cán bằng nhựa màu trắng dài 10cm, là hung khí trong vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy nên tịch thu tiêu hủy.

[6] Đối với thương tích của chị T và chị Th, trong quá trình điều tra, chị T và chị Th đã tự nguyện rút đơn yêu cầu khởi tố và từ chối giám định thương tật nên cơ quan điều tra không xem xét giải quyết.

[7] Đối với xe mô tô hiệu Air Blade biển kiểm soát 85D1- 134.xx Q sử dụng, qua điều tra xác định xe thuộc quyền sở hữu của bà Lê Thị Đ. Bà Đ

không biết Q sử dụng xe này để phạm tội nên cơ quan điều tra không thu giữ là có căn cứ.

Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo NGUYỄN VĂN Q phạm tội “cố ý gây thương tích” và “hủy hoại tài sản”.

Căn cứ vào: Điều 2 khoản 2 (điểm a, i khoản 1) điều 134, điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 điều 51, điều 54 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: *Bị cáo NGUYỄN VĂN Q 18 (mười tám) tháng tù.*

Căn cứ vào: Khoản 1 điều 178, điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 điều 51, điều 54 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: *Bị cáo NGUYỄN VĂN Q 04 (bốn) tháng tù.*

Căn cứ vào: Điều 55 Bộ luật Hình sự.

Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 22 (hai mươi hai) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 15 tháng 5 năm 2019.

Về xử lý vật chứng:

Căn cứ vào: Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Tuyên tịch thu tiêu hủy 01 con dao lưỡi bằng kim loại màu đen dài 45cm, cán bằng nhựa màu trắng dài 10cm. Hiện Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P đang quản lý theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 06/9/2019 giữa cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố P và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P

Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai, sơ thẩm, có mặt bị cáo, những người bị hại. Quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với Chị Trần Thị Thu Th vắng mặt tại phiên tòa, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- TAND tỉnh NT;
- Chi cục THADS TP.PRTC;
- VKSND TP.PRTC;
- Công an tp. PR-TC;
- Sở Tư pháp tỉnh NT;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

- VKSND tỉnh NT;
- Lưu HS+ án;

Ninh Thị Kiều Hạnh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Hoàng Liên Nguyễn Huy Trân

Ninh Thị Kiều Hạnh

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 27-HS:

Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại các điều 254, 260 và 423 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo:

(1) và (4) nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi tên Tòa án nhân dân quận (huyện, thị xã, thành phố) gì thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi tên Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án quân sự khu vực thì ghi tên Tòa án quân sự khu vực gì thuộc quân khu, quân chủng nào; nếu là Tòa án quân sự quân khu, quân chủng thì ghi tên Tòa án quân sự quân khu, quân chủng (ví dụ: Tòa án quân sự Quân khu Thủ đô).

(2) ô thứ nhất ghi số Bản án, ô thứ hai ghi năm ra Bản án (ví dụ: 16/2017/HS-ST).

(3) ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày hoặc nghị án kéo dài.

(5) nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, bỏ dòng Thẩm phán..., đối với Hội thẩm nhân dân (quân nhân) chỉ ghi đầy đủ họ tên của hai Hội thẩm nhân dân (quân nhân); nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Cần chú ý không ghi chức vụ của Thẩm phán; đối với vụ án hình sự thông thường thì không ghi chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân); đối với vụ án hình sự có bị cáo là người dưới 18 tuổi thì ghi nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Nếu vụ án do Tòa án quân sự giải quyết thì không ghi Ông (Bà) mà ghi cấp bậc quân hàm.

(6) ghi đầy đủ họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(7) ghi tên Viện kiểm sát như hướng dẫn tại (1); ghi họ tên Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

(8) anh X hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ Trong các (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Anh X hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liên nhau thì ghi Từ ngày đến ngày (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liên nhau thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liên nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liên nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(9) nếu vụ án được xét xử tại trụ sở Tòa án thì ghi như hướng dẫn tại mục (1) (4). Nếu vụ án được xét xử lưu động thì ghi địa điểm nơi diễn ra phiên tòa.

(10) nếu xét xử kín thì thay cụm từ công khai bằng từ kín.

(11) và (12) ghi đầy đủ họ tên bị cáo và các bí danh, tên thường gọi khác (nếu có); nếu bị cáo là người dưới 18 tuổi phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh tính đến ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội (ví dụ: Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 8

tháng 15 ngày); nếu bị cáo trên 18 tuổi thì ghi ngày, tháng, năm sinh hoặc tuổi; ghi nơi đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, nơi sinh sống của bị cáo. Đối với tiền sự thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị xử lý đó tính đến ngày phạm tội chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý hành chính hoặc bị xử lý kỷ luật. Đối với tiền án thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị kết án đó tính đến ngày phạm tội chưa được xoá án. Về nhân thân ghi án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật cụ thể các lần đó và ghi rõ là các án tích, xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật đó đã được xoá. Anh X hợp bị cáo là pháp nhân thương mại thì ghi tên, địa chỉ trụ sở, tên người đại diện theo pháp luật, tiền án, tiền sự của pháp nhân thương mại và các thông tin cần thiết khác; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(13) ghi ngày bị cáo bị bắt, tạm giam; nếu trước đó bị cáo đã bị tạm giữ, bị bắt, tạm giam, thì ghi ngày bị tạm giữ, ngày bị bắt, tạm giam và ngày được cho tại ngoại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(14) và (15) nếu bị cáo có người đại diện hợp pháp thì ghi rõ họ tên của bị cáo đó (ví dụ: Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn A). Sau chữ là ghi quan hệ như thế nào với bị cáo (ví dụ: là bố của bị cáo); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(16) nếu có người bào chữa thì ghi đầy đủ họ tên của người bào chữa và họ tên của bị cáo được bào chữa; nếu người bào chữa là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào (ví dụ: Ông Trần B, Luật sư Văn phòng luật sư Vạn Xuân thuộc Đoàn luật sư tỉnh H bào chữa cho Nguyễn Văn C); nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bào chữa (ví dụ: Bà Lê Thị M, bào chữa viên nhân dân công tác tại Hội luật gia tỉnh M bào chữa cho Nguyễn Văn D); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(17), (18), (19), (20), (21), (22), (23) và (24) nếu có người nào tham gia tố tụng thì ghi đầy đủ họ tên, tuổi, nơi cư trú của người đó. Anh X hợp bị hại là người bị xâm phạm về tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự và là người dưới 18 tuổi, thì phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh của bị hại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(25) nếu bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có người bảo vệ quyền lợi cho họ, thì ghi đầy đủ họ tên của họ theo thứ tự; nếu người bảo vệ quyền lợi của đương sự là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào; nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bảo vệ quyền lợi cho đương sự; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi có mặt và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi vắng mặt.

(26) nếu có người tham gia tố tụng là người làm chứng thì ghi đầy đủ họ tên; nếu người tham gia tố tụng là người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật thì ghi đầy đủ họ tên, cơ quan công tác.

(27) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(28) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại các điểm d, đ và e khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(29) tùy từng anh X hợp mà ghi rõ căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(30) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm g khoản 2

Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(31) phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi đầy đủ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các bị cáo, các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và Viện kiểm sát theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự thì ghi như sau:

Nơi nhận:

Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 262 của Bộ luật Tố tụng hình sự và những nơi cần lưu bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

